

Số: 18/2020/QĐST-DS

Trần Đề, ngày 11 tháng 9 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 03 tháng 9 năm 2020 về việc các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 54/2020/TLST- DS ngày 02 tháng 6 năm 2020;

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận của các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

* *Nguyên đơn:* **Ngân hàng Thương mại Cổ phần K**; địa chỉ trụ sở: Số o P H T, phường V T V, thành phố R G, tỉnh K G; địa chỉ liên hệ: Số y T H Đ, phường k, thành phố S T, tỉnh S T.

Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn: Bà **Trần T A**. Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông **Nguyễn Trí D**; địa chỉ: Số , T H Đ, phường k, thành phố S T, tỉnh S T.

* *Bị đơn:*

- Ông **Trương Văn K**, sinh năm 1955; địa chỉ: Số h, ấp T N, xã T T T, huyện T Đ, tỉnh S T.

- Bà **Trương Thị N**, sinh năm sinh năm 1963; địa chỉ: Số h, ấp T N, xã T T T, huyện T Đ, tỉnh S T.

Bà Trương Thị N ủy quyền cho ông Trương Văn K (Theo văn bản ủy quyền đề ngày 01/9/2020).

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- **Trương Minh Đ**, sinh năm 1982; địa chỉ: địa chỉ: Số h, ấp T N, xã T T T, huyện T Đ, tỉnh S T.

- **Trương Minh Đ1**, sinh năm 1984; địa chỉ: địa chỉ: Số h, ấp T N, xã T T T, huyện T Đ, tỉnh S T.

- **Trương Thị Ngọc H**, sinh năm 1986; địa chỉ: địa chỉ: Số h, ấp T N, xã T T T, huyện T Đ, tỉnh S T.

- **Trương Thanh T**, sinh năm 1989; địa chỉ: địa chỉ: Số h, ấp T N, xã T T T, huyện T Đ, tỉnh S T.

- **Trương Thanh C**, sinh năm 1995; địa chỉ: địa chỉ: Số h, ấp T N, xã T T T, huyện T Đ, tỉnh S T.

Bà Trương Thị Ngọc H, Trương Thanh T, Trương Thanh C ủy quyền cho ông Trương Văn K (Theo văn bản ủy quyền đề ngày 01/9/2020).

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần K là ông Nguyễn Trí D và bị đơn ông Trương Văn K, bà Trương Thị N thống nhất như sau:

2.1. Tính đến ngày 03/9/2020, ông Trương Văn K và bà Trương Thị N còn nợ Ngân hàng thương mại Cổ phần K theo Hợp đồng tín dụng số 289/19/HĐTD/2100-7830 ký ngày 31/5/2019:

- Vốn gốc: 260.000.000 đồng;
- Lãi trong hạn 40.130.038 đồng;
- Lãi chậm trả lãi trong hạn 1.695.987 đồng;
- Lãi quá hạn 2.537.030 đồng.

Tổng cộng vốn và lãi là 304.363.055 đồng.

Do ông Trương Văn K và bà Trương Thị N cam kết đến ngày 31/12/2020 mới có khả năng trả tiền cho Ngân hàng nên hai bên thống nhất thỏa thuận tính thêm số tiền lãi đến ngày 31/12/2020 là 12.531.499 đồng.

Tổng tiền lãi tính đến ngày 31/12/2020: 56.894.554 đồng. Nhưng ông Nguyễn Trí D thống nhất giảm lãi còn 56.000.000 đồng.

Tổng cộng vốn gốc và lãi tính đến ngày 31/12/2020 là: 316.000.000 đồng (*Ba trăm mười sáu triệu đồng*).

Ông Trương Văn K và bà Trương Thị N cam kết trả nợ như sau:

- Ngày 31/12/2020, trả 95.000.000 đồng (Bao gồm 39.000.000 đồng tiền gốc và 56.000.000 đồng tiền lãi đã tính đến ngày 31/12/2020).

- Ngày 01/6/2021, trả 13.000.000 đồng và lãi phát sinh của số nợ gốc còn lại;

- Ngày 01/12/2021, trả 13.000.000 đồng và lãi phát sinh của số nợ gốc còn lại;

- Ngày 01/6/2022, trả 13.000.000 đồng và lãi phát sinh của số nợ gốc còn lại;

- Ngày 31/12/2022, trả 13.000.000 đồng và lãi phát sinh của số nợ gốc còn lại;

- Ngày 01/6/2023, trả 13.000.000 đồng và lãi phát sinh của số nợ gốc còn lại;

- Ngày 31/12/2023, trả 13.000.000 đồng và lãi phát sinh của số nợ gốc còn lại

...

Cứ định kỳ 6 tháng 01 lần, ông Trương Văn K và bà Trương Thị N sẽ trả 13.000.000 đồng và tiền lãi theo Hợp đồng tín dụng số 289/19/HĐTD/2100-7830 ngày 31/5/2019 có thời hạn vay: 10 năm (Từ ngày 02/6/2019 đến ngày 01/6/2029). Hình thức thanh toán: Gốc/lãi trả định kỳ 06 tháng/lần. Chia thành 20 kỳ (Mỗi kỳ trả 13.000.000 đồng tiền gốc và lãi phát sinh trên số nợ gốc còn lại). Kỳ trả cuối cùng là ngày 01/6/2029.

Trường hợp ông Trương Văn K và bà Trương Thị N không thực hiện đúng cam kết thì Ngân hàng thương mại cổ phần K có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ vay. Cụ thể là:

Quyền sử dụng đất được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D 0799449; Số vào sổ: 00056QSDĐ do Ủy ban nhân dân huyện M X (nay là huyện T Đ), tỉnh S T cấp ngày 12/6/1995; diện tích: 10.630,6 m²; thửa đất số: 299; tờ bản đồ số: 04; mục đích sử dụng: Đất mùa; địa chỉ: Ấp T N, xã T T T, huyện M X (nay là huyện T Đ), tỉnh S T.

Kể từ ngày 01/01/2021, ông Trương Văn K và bà Trương Thị N còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc còn lại. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2.2. Tính đến ngày 03/9/2020, ông Trương Văn K và bà Trương Thị N còn nợ Ngân hàng thương mại Cổ phần K theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế KienLongBank số 40049154000040 ký ngày 03/6/2019:

- Vốn gốc: 49.527.589 đồng;
- Lãi trong hạn 9.768.391 đồng,
- Phí phạt chậm trả 5.607.230 đồng,
- Phí vượt hạn mức 1.760.372 đồng

Tổng cộng vốn và lãi 66.663.585 đồng (*Sáu mươi sáu triệu, sáu trăm sáu mươi ba nghìn, năm trăm tám mươi lăm đồng*).

Ông Trương Văn K và bà Trương Thị N cam kết trả nợ như sau:

- Ngày 15/10/2020, trả 50.000.000 đồng;
- Ngày 31/12/2020, trả 5.000.000 đồng.
- Ngày 30/6/2021, trả 11.663.585 đồng và lãi phát sinh tính từ ngày 04/9/2020 của Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế KienLongBank số 40049154000040 ký ngày 03/6/2019.

* Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 800.000 đồng. Bị đơn ông Trương Văn K và bà Trương Thị N tự nguyện chịu. Do Ngân hàng thương mại cổ phần K đã nộp chi phí này xong cho nên ông Trương Văn K và bà Trương Thị N có trách nhiệm hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần K 800.000 đồng tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ.

* Về án phí dân sự sơ thẩm: Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và bị đơn ông Trương Văn K, bà Trương Thị N thỏa thuận:

Ông Trương Văn K và bà Trương Thị N chịu 9.566.590 đồng (Chín triệu, năm trăm sáu mươi sáu nghìn, năm trăm chín mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn thương mại cổ phần K được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 8.582.494 đồng (Tám triệu, năm trăm tám mươi hai nghìn, bốn trăm chín mươi bốn đồng) theo biên lai thu tiền số AA/2017 0002127 ngày 02/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T Đ, tỉnh S T.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS nhân dân huyện T Đ;
- Chi cục THADS huyện T Đ;
- TAND tỉnh S T (P.KTNV & THA);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

THẨM PHÁN

Đặng Thị Ngọc Trân